TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN M** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DSST
Ngày: 13/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-TP.CẦN THƠ

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268, N K K N, Phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt H – Phó Phòng giao dịch M là người đại diện theo ủy quyền *(văn bản ủy quyền ngày 07/10/2020)*, có mặt.

-***Bị đơn****:* Ông **Trần Chí T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ cư trú: Khu vực T H C, phường L H, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T trình bày:

Vào ngày 07/4/2017, ông Trần Chí T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ – PGD M Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu thập của ông Trần Chí T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.820.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 14/10/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T yêu cầu có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T với tổng số tiền tính đến ngày 10/3/2021 là 4.807.710 đồng, trong đó nợ gốc 736.140 đồng, lãi quá hạn 4.071.570 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Phần trình bày của bị đơn ông Trần Chí T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ kiện trên thì tiến hành tống đạt triệu tập bị đơn, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt, cho nên Tòa án đã căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết công khai giải quyết vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

-Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/3/2021 là 4.807.710 đồng, trong đó: nợ gốc 736.140 đồng, lãi quá hạn 4.071.570 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T và ông Trần Trí T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng thẻ, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thiện chí trả nợ nên Ngân hàng có đơn khởi kiện. Quan hệ tranh chấp này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo thủ tục quy định và đã triệu tập hợp lệ đối vơi bị đơn ông Trần Chí T nhưng đều vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ngày 07/4/2017, ông Trần Chí T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ – PGD M Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu thập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.820.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 14/10/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 13/4/2021, ông T còn nợ gốc 736.140 đồng, lãi quá hạn 4.102.850 đồng, tổng cộng 4.838.990 đồng. Nay đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

[4] *Mặc dù phía bị đơn:* Tuy vắng mặt, nhưng theo các tài liệu do nguyên đơn xuất trình về việc sử dụng thẻ tín dụng theo hợp đồng, thì đây là những chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T:

Buộc bị đơn ông Trần Chí T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T số tiền 4.838.990 đồng *(Bốn triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi đồng)*, trong đó nợ gốc 736.140 đồng và nợ lãi quá hạn 4.102.850 đồng.

Phía bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết trên số tiền chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải nộp 300.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 011491 ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M.

3/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP.Cần Thơ;
-VKSND – Q. M;
-Chi cục THADS- Q. M;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tân An ***Nguyễn Vĩnh Thạnh*** ***Nguyễn Phi Hùng***

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa

phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP/CT;
-VKSND – Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS- Q.Ô Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN